

Yên Châu, ngày 5 tháng 6 năm 2026

BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN

1.	Tổng số học sinh của trường	66	Học sinh				
2.	Số học sinh cắt cơm		Học sinh				
3.	Số học sinh ăn sáng:	66	Học sinh	Tiền ăn:	7.000	đồng	= 462.000
5.	Số học sinh ăn trưa:	66	Học sinh	Tiền ăn:	24.000	đồng	= 1.584.000
6.	Số học sinh ăn tối:	66	Học sinh	Tiền ăn:	24.000	đồng	= 1.584.000
8.	Tiền thu:			3.630.000	đồng	55.000	
9.	Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:			3.630.000	đồng		
10.	Tiền thiếu:					0	đồng

Đơn vị thực hiện :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	19,8	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	5,0	50.000	250.000	
3	Nước mắm	Lít	1,0	13.800	13.800	
4	Mỳ chính	Kg	1,0	55.000	55.000	
5	Bột canh	Kg	2,0	20.000	40.000	

6	Muối trắng	Kg		7.000	-	
7	Nước rửa bát	Lít	3,4	38.000	129.200	
8	Nước lau nhà	Lít	3,6	30.000	108.000	
9	Gas đun bếp	Kg	9,0	36.000	324.000	
10	Bánh rán	Cái	198,0	3.000	594.000	
11	Thịt lợn rang	Kg	6,5	120.000	780.000	
12	Thịt xay (xào khoai tây, bầu)	Kg	1,5	120.000	180.000	
13	Khoai tây (xào)	Kg	6,0	17.000	102.000	
14	Bí xanh(canh)	Kg	4,2	10.000	42.000	
15	Dưa hấu	Kg	5,0	20.000	100.000	
16	Thịt gà chiên	Kg	8,5	80.000	680.000	
17	Bột chiên	Kg	1,0	28.000	28.000	
18	Bí Non (Xào)	Kg	5,4	10.000	54.000	
19	Bầu (canh)	Kg	3,0	10.000	30.000	
20	Dưa hấu	Kg	5,0	20.000	100.000	
21	Tỏi	Kg		40.000	-	
22	Hành lá	Kg	0,5	40.000	20.000	
					3.630.000	

BỘ PHẬN NHÀ BẾP



Lò Thị Hương

THANH TRA NHÂN DÂN



Hoàng Thái Bình

KẾ TOÁN



Nguyễn Văn Mười

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG



Lưu Văn Khải

KẾ TOÁN CÔNG TY



Đỗ Thị Thanh Huyền

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Đương Anh Tuấn

